

Số: 13/2024/QĐST-TCDS

B, ngày 07 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Tranh chấp dân sự thụ lý số: 21/2024/TLST-TCDS ngày 05 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn Tân Đ, xã Qu, thị xã B, tỉnh Qu.

Bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1963; nơi cư trú: thôn Th, xã Th, huyện B, tỉnh Qu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn cứ vào Hợp đồng đặt cọc ngày 26/6/2023 ông Hoàng Văn K và bà Trần Thị M thống nhất thỏa thuận bà Trần Thị M trả cho ông Hoàng Văn K tổng số tiền là 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu đồng) trong đó: tiền cọc là 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền phạt cọc là 80.000.000 (tám mươi triệu đồng) với lộ trình trả nợ cụ thể như sau:

Đợt 1: Ngày 30/8/2024 (dương lịch), bà Trần Thị M trả cho ông Hoàng Văn K số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng);

Đợt 2: Ngày 30/10/2024 (dương lịch), bà Trần Thị M trả cho ông Hoàng Văn K số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu đồng);

Đợt 3: Ngày 30/12/2024 (dương lịch), bà Trần Thị M trả cho ông Hoàng Văn K số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng);

Đợt 4: Ngày 30/3/2025 (dương lịch), bà Trần Thị M trả cho ông Hoàng Văn K số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng);

Đợt 5: Ngày 30/5/2025 (dương lịch), bà Trần Thị M trả cho ông Hoàng Văn K số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng);

Đợt 6: Ngày 30/6/2025 (Dương lịch), bà Trần Thị M trả cho ông Hoàng Văn K số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng);

Trong trường hợp bà Trần Thị M vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào nêu trên thì ông Hoàng Văn K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà Trần Thị M phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền nợ chưa thực hiện.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Bà Trần Thị M phải nộp 6.000.000 (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Hoàng Văn K số tiền 14.800.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông K đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0002589 ngày 05/4/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Qu;
- VKS huyện B;
- THADS huyện B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương